LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN: - Từ ngày 28 tháng 03 đến ngày 3 tháng 04 năm 2022)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên	
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	ĐH	14	20212CT6159	3	18	TH CNKT Môi trường 1									2	B5-102					V.T.L.Anh	
2	ĐH	15	20212CT6174001	4	15	TH phân tích môi trường					2	B5-102									V.T.L.Anh	máy UV-VIS
3	ĐH	14	20212CT6163001	1	23	Thực hành CN Silicat-Gốm sứ	1	B5-104													N.V.Hoàn	
4	ĐH	15	20212CT6176002	1	21	Thực hành QT và TB	2	B5-105													N.V.Hoàn	
5	ĐH	15	20212CT6176009	1	21	Thực hành QT và TB			1	B5-105											N.V.Hoàn	
6	ĐH	14	CT6164.1	1	33	TH chuyên ngành Công nghệ HPT 1							1	B2-202							T.Q.Hải	
7	ĐH	15	CT6145.1	1	15	TN Hóa phân tích	2	B5-202													N.T.Thoa	
8	ĐH	15	CT6145.3	1	26	TN Hóa phân tích			1	B5-202											N.T.Thoa	
9	ĐH	15	CT6145.4	1	28	TN Hóa phân tích											1	B5-202			N.T.Thoa	
10	ĐH	15	CT6145.8	1	28	TN Hóa phân tích											2	B5-202			N.T.Thoa	
11	ĐH	15	CT6145.10	1	27	TN Hóa phân tích	3	B5-202													N.T.Thoa	
12	ĐH	15	20212CT6176016	1	24	Thực hành QT và TB									2	B5-105					T.T Hải	
13	ĐH	15	20212CT6176013	1	20	Thực hành QT và TB							1	B5-105							N. M. Việt	
14	ĐH	14	20212CT6173001	1	24	TH PTCLSP mỡ nhờn và nhựa đường			1	B5-204											N. M. Việt	
15	ĐH	14	20212CT6001010	1	18	Thực hành PTCLSP kerosen và diesel	1	B5-204													Đ.H. Trung	
16	ĐH	15	20212CT6176017	1	22	Thực hành QT và TB							2	B5-105							Đ. H. Trung	
17	ĐH	15	20212CT6176005	1	20	Thực hành QT và TB									1	B5-103					Đ. H. Trung	
18	ĐH	15	20212CT6176006	1	22	Thực hành QT và TB									2	B5-103					Đ.H. Trung	
19	ĐH	15	20202CT6178001	1	23	Thực hành Tổng hợp hữu cơ											1	B5-203			B. T.T. Trang	
20	ĐH	14	20211CT6167001	1	26	TH Polyme													1	B5-203	N.T.Hương	
21	ĐH	14	20211CT6167001	1	26	TH Polyme													2	B5-203	N.T.Hương	
22	ĐH	15	20211CT6196001	1	19	Thuốc nhuộm và chất trợ dệt	1	B5-203													N.T.Hương	
23	ĐH	15	20211CT6196001	2	18	Thuốc nhuộm và chất trợ dệt					3	B5-203									N.T.Hương	
24	ĐH	14	20211CT6150001		21	Thí nghiệm vi sinh thực phẩm	1	B5-303,304													M.T.Vinh	
25	ĐH	14	20211CT6150002		22	Thí nghiệm vi sinh thực phẩm	2	B5-303,304													M.T.Vinh	
26	ĐH	14	20211CT6150003		23	Thí nghiệm vi sinh thực phẩm					2	B5-303,304									M.T.Vinh	
27	ĐH	14	20211CT6150004		18	Thí nghiệm vi sinh thực phẩm			1	B5-303,304											P.H.Quỳnh	
28	ĐH	14	20211CT6150005		18	Thí nghiệm vi sinh thực phẩm									2	B5-303,304					Đ.T.Hường	
29	ĐH	14	20211CT6150006		17	Thí nghiệm vi sinh thực phẩm			2	B5-303,304											V.T.Cương	
30	ĐH	14	20211CT6150007		21	Thí nghiệm vi sinh thực phẩm					1	B5-303,304									P.H.Quỳnh	
31	ĐH	14	20211CT6150008		22	Thí nghiệm vi sinh thực phẩm							2	B5-303,304							Đ.T.Hường	
32	ĐH	14	20211CT6161001		21	Thực hành Công nghệ lên men	2	B5-301,302													Đ.T.Hạnh	
33	ĐH	14	20211CT6161002		22	Thực hành Công nghệ lên men					1	B5-301,302									Đ.T.Hạnh	

34	ĐH	14	20211CT6161003		23	Thực hành Công nghệ lên men					2	B5-301,302									**Đ.T.Hạnh**
35	ĐH	14	20211CT6161004		18	Thực hành Công nghệ lên men							1	B5-301,302							**Đ.T.Hường**
36	ĐH	14	20211CT6161005		18	Thực hành Công nghệ lên men							2	B5-301,302							**Đ.T.Hạnh**
37	ĐH	14	20211CT6161006		17	Thực hành Công nghệ lên men									2	B5-301,302					**Đ.T.Hạnh**
38	ĐH	14	20211CT6161007		21	Thực hành Công nghệ lên men											1	B5-301,302			**Đ.T.Hường**
39	ĐH	14	20211CT6161008		22	Thực hành Công nghệ lên men											2	B5-301,302			**Đ.T.Hường**
40	ĐH	15	CT6149.1	1	23	Thí nghiệm phân tích quang học			1	B5-305											**Đ.T.Hà**
41	ĐH	15	CT6149.2	1	25	Thí nghiệm phân tích quang học			2	B5-305											**Đ.T.Hà**
42	ĐH	15	CT6145.2	1	25	TN Hóa phân tích					2	B5-305									**Đ.T.Hà**
43	ĐH	15	CT6145.7	1	24	TN Hóa phân tích	1	B5-305													**Đ.T.Hà**
44	ĐH	15	CT6145.12	1	18	TN Hóa phân tích							2	B5-305							**Đ.T.Hà**
45	ĐH	15	CT6145.13	1	25	TN Hóa phân tích	2	B5-305													**Đ.T.Hà**
46	ĐH	15	CT6145.9	1	19	TN Hóa phân tích	2	B5-102													**N.T.T.Phương**
47	ĐH	15	CT6145.15	1	21	TN Hóa phân tích	3	B5-305													**N.T.T.Phương**
48	ĐH	15	CT6145.16	1	23	TN Hóa phân tích											1	B5-305			**N.T.T.Phương**
49	ĐH	15	CT6145.16	1	23	TN Hóa phân tích											2	B5-305			**N.T.T.Phương**
50	ĐH	15	20211CT6143001	1	23	TN Hóa hữu cơ							1	B5-401							**N.T.K.An**
51	ĐH	15	20211CT6143002	1	25	TN Hóa hữu cơ							2	B5-401							**N.T.K.An**
52	ĐH	15	20211CT6143011	1	23	TN Hóa hữu cơ									1	B5-401					**N.T.K.An**
53	ĐH	15	20211CT6143014	1	25	TN Hóa hữu cơ			1	B5-401											**P.T.Thắm**
54	ĐH	15	20211CT6143015	1	25	TN Hóa hữu cơ			2	B5-401											**P.T.Thắm**
55	ĐH	15	20211CT6144014	1	16	TN Hóa lý	2	B5-402													**P.T.T. Giang**
56	ĐH	15	20211CT6144006	1	24	TN Hóa lý									1	B5-402					**P. T. Thắm**
57	ĐH	15	20211CT6144010	1	25	TN Hóa lý									2	B5-402					**P. T. Thắm**
58	ĐH	15	20211CT6144003	1	25	TN Hóa lý											1	B5-402			**N.T.T.Phương**
59	ĐH	16	20211CT6001007	2	19	Hóa học Đại cương			1	B5-104							1	B5-104			**Đ.X.Thắng**
60	ĐH	16	20211CT6001007	2	19	Hóa học Đại cương			3	B5-104											**Đ.X.Thắng**
61	ĐH	16	20211CT6001007	3	19	Hóa học Đại cương			1	B5-402							1	B5-401			**N.T.Vân**
62	ĐH	16	20211CT6001007	3	19	Hóa học Đại cương			3	B5-402											**N.T.Vân**
63	ĐH	16	20211CT6001004	1	18	Hóa học Đại cương	1	B5-402													**T.C.Doanh**
64	ĐH	16	20211CT6001005	1	20	Hóa học Đại cương	2	B5-401													**T.C.Doanh**
65	ĐH	16	20211CT6001016	1	26	Hóa học Đại cương	3	B5-401							3	B5-402					**T.C.Doanh**
66	ĐH	16	20211CT6001016	2	26	Hóa học Đại cương	3	B5-402			3	B5-402									**P.T.Giang**
67	ĐH	16	20211CT6001016	2	26	Hóa học Đại cương					1	B5-402									**P.T.Giang**
68	ĐH	16	20211CT6001016	3	26	Hóa học Đại cương	3	B5-104			3	B5-104									**B.T.T.Trang**
69	ĐH	16	20211CT6001016	3	26	Hóa học Đại cương					1	B5-104									**B.T.T.Trang**
70	ĐH	16	20211CT6001006	1	26	Hóa học Đại cương	2	B5-104			1	B5-401	1	B5-104							**P.T.Thắm**
71	ĐH	16	20211CT6001006	1	26	Hóa học Đại cương					2	B5-401									**P.T.Thắm**
72	ĐH	16	20211CT6001004	2	20	Hóa học Đại cương							1	B5-402							**V.T.Hòa**
73	ĐH	16	20211CT6001005	2	20	Hóa học Đại cương							2	B5-402							**V.T.Hòa**
74	ĐH	16	20211CT6001004	3	19	Hóa học Đại cương									1	B5-104					**T.C.Doanh**
75	ĐH	16	20211CT6001005	3	20	Hóa học Đại cương									2	B5-104					**T.C.Doanh**
76	ĐH	16	20211CT6001019	1	25	Hóa học Đại cương			2	B5-402											**V.T.Hòa**
77	ĐH	16	20211CT6001019	2	24	Hóa học Đại cương					2	B5-402									**P.T.T.Giang**

78	ĐH	15	20211CT6001001	1	21	Hóa học Đại cương											2	B5-401			**N.T.Vân**
79	ĐH	15	20211CT6001001	2	21	Hóa học Đại cương													1	B5-401	**N.T.Vân**
80	ĐH	15	20211CT6001001	3	25	Hóa học Đại cương													2	B5-401	**N.T.Vân**
81	ĐH	15	20211CT6001002	1	20	Hóa học Đại cương											2	B5-402			**T.C.Doanh**
82	ĐH	15	20211CT6001002	2	21	Hóa học Đại cương													1	B5-402	**N.N.Thanh**
83	ĐH	15	20211CT6001002	3	25	Hóa học Đại cương													2	B5-402	**N.N.Thanh**
84	ĐH	15	20211CT6001003	1	21	Hóa học Đại cương											2	B5-104			**P.T.T.Giang**
85	ĐH	15	20211CT6001003	2	22	Hóa học Đại cương													1	B5-104	**Đ.H.Trung**
86	ĐH	15	20211CT6001003	3	25	Hóa học Đại cương													2	B5-104	**Đ.H.Trung**
87	ĐH	16	20211CT6001014	1	22	Hóa học Đại cương	1	C8-406													**N.N.Thanh**
88	ĐH	16	20211CT6001014	2	22	Hóa học Đại cương	1	C8-404													**Đ.X.Thắng**
89	ĐH	16	20211CT6001014	3	21	Hóa học Đại cương	1	C8-401													**N.T.K.An**
90	ĐH	16	20211CT6001015	1	22	Hóa học Đại cương	2	C8-406													**N.N.Thanh**
91	ĐH	16	20211CT6001015	2	22	Hóa học Đại cương	2	C8-404													**Đ.X.Thắng**
92	ĐH	16	20211CT6001015	3	21	Hóa học Đại cương	2	C8-401													**N.T.K.An**
93	ĐH	16	20212CT6001001	1	23	Hóa học Đại cương			1	C8-406											**Đ.H.Trung**
94	ĐH	16	20212CT6001002	1	23	Hóa học Đại cương			2	C8-406											**Đ.H.Trung**
95	ĐH	16	20212CT6001001	2	23	Hóa học Đại cương					1	C8-404									**Đ.X.Thắng**
96	ĐH	16	20212CT6001001	3	22	Hóa học Đại cương					1	C8-403									**N.M.Việt**
97	ĐH	16	20212CT6001002	2	22	Hóa học Đại cương					2	C8-404									**Đ.X.Thắng**
98	ĐH	16	20212CT6001002	3	22	Hóa học Đại cương					2	C8-403									**N.M.Việt**
99	ĐH	16	20211CT6001010	1	22	Hóa học Đại cương							1	C8-403							**L.T.Hoài**
100	ĐH	16	20211CT6001010	2	22	Hóa học Đại cương							1	C8-406							**N.N.Thanh**
101	ĐH	16	20211CT6001010	3	22	Hóa học Đại cương							1	C8-404							**V.T.L.Anh**
102	ĐH	16	20211CT6001011	1	22	Hóa học Đại cương							2	C8-403							**L.T.Hoài**
103	ĐH	16	20211CT6001011	2	22	Hóa học Đại cương							2	C8-406							**N.N.Thanh**
104	ĐH	16	20211CT6001011	3	22	Hóa học Đại cương							2	C8-404							**V.T.L.Anh**
105	ĐH	16	20211CT6001008	1	24	Hóa học Đại cương									1	C8-403					**B.M.Tài**
106	ĐH	16	20211CT6001008	2	24	Hóa học Đại cương									1	C8-406					**P.T.T.Giang**
107	ĐH	16	20211CT6001008	3	24	Hóa học Đại cương									1	C8-404					**H.T.Dung**
108	ĐH	16	20211CT6001013	1	22	Hóa học Đại cương									2	C8-403					**B.M.Tài**
109	ĐH	16	20211CT6001013	2	22	Hóa học Đại cương									2	C8-406					**P.T.T.Giang**
110	ĐH	16	20211CT6001013	3	21	Hóa học Đại cương									2	C8-404					**H.T.Dung**
111	ĐH	16	20211CT6001012	1	22	Hóa học Đại cương											1	C8-403			**N.M.Việt**
112	ĐH	16	20211CT6001012	2	22	Hóa học Đại cương											1	C8-406			**Đ.H.Trung**
113	ĐH	16	20211CT6001012	3	21	Hóa học Đại cương											1	C8-404			**V.T.L.Anh**
114	ĐH	16	20211CT6001009	1	22	Hóa học Đại cương											2	C8-403			**N.M.Việt**
115	ĐH	16	20211CT6001009	2	22	Hóa học Đại cương											2	C8-406			**Đ.H.Trung**
116	ĐH	16	20211CT6001009	3	21	Hóa học Đại cương											2	C8-404			**V.T.L.Anh**

Trưởng khoa **Người lập**

Phạm Thị Mai Hương

Trương Công Doanh